

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TĨNH
TỈNH HÀ TĨNH**

Bản án số: 05/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2024

*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia
tài sản nợ chung*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TĨNH – TỈNH HÀ TĨNH
- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Cừ

Ông Dương Cao Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Thúy Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Dương Việt Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2024, tại Hội trường Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 18/2023/TLST-HNGĐ ngày 12/5/2023 về “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con và chia tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 10/4/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Dương Thị M, sinh ngày 24/02/1990; Địa chỉ cư trú: Số nhà A, đường M, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh; Địa chỉ hiện nay: Thôn T, xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

Bị đơn: Anh Trần Xuân Q, sinh ngày 06/6/1987; Địa chỉ cư trú: Số nhà A, đường M, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Có mặt*

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng N; Địa chỉ: Số B, L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Mạnh T – Trưởng phòng khách hàng cá nhân Ngân hàng N chi nhánh H2 – *Vắng mặt*

2. Ngân hàng C; Địa chỉ: Số A, phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội; Người đại diện ủy quyền: Ông Nguyễn Tuấn A – Phó giám đốc Ngân hàng C Chi nhánh H2 – *Vắng mặt*

3. Bà Hà Thị P; Sinh năm 1956; Địa chỉ: Số nhà A, đường M, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

4. Chị Đặng Thị M1; Sinh năm 1986; Địa chỉ: Tổ dân phố T, phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh – *Vắng mặt*

5. Chị Lê Thị H; Sinh năm 1983; Địa chỉ: Số A, đường M, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh
– *Vắng mặt*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Trong đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, nguyên đơn chị Dương Thị M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị M và anh Trần Xuân Q kết hôn vào ngày 26/7/2021, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh. Sau khi cưới tình cảm vợ chồng bình thường, từ tháng 11/2021 vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính cách không hòa hợp, bất đồng về cách nuôi dạy con cái, công việc và tài chính dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, mâu thuẫn đỉnh điểm từ cuối năm 2023, vợ chồng sống ly thân từ tháng 02/2023 đến nay. Hiện tại tình cảm vợ chồng không còn, chị Dương Thị M đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Dương Đức H1, sinh ngày 12/11/2021. Con hiện đang sống cùng chị M. Chị M có nguyện vọng được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và đề nghị anh Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Tài sản chung vợ chồng gồm có: Thửa đất số 730, tờ bản đồ số 18, diện tích 156,2m² và toàn bộ tài sản gắn liền với đất tại số A, đường M, phường T, thành phố H. Tại Đơn khởi kiện, chị M đề nghị Tòa án chia tài sản chung đối với khối tài sản trên. Ngày 23/5/2024, chị M rút yêu cầu khởi kiện chia tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Vợ chồng chỉ có khoản nợ chung là nợ ngân hàng chính sách số tiền 28.200.000đ. Hai bên đã tự thỏa thuận về trách nhiệm trả nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại Bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn anh Trần Xuân Q trình bày: Về thời gian, điều kiện kết hôn, mâu thuẫn vợ chồng thống nhất như trình bày của chị M. Nguyên nhân mâu thuẫn là do chị M tự gây sự và coi thường gia đình bên nội. Sau khi xảy ra mâu thuẫn, chị M đã dọn đồ đạc ra khỏi nhà từ tháng 3/2023 và vợ chồng ly thân từ đó đến nay. Anh Q không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Q đồng ý giao con chung cho chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và đồng ý đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

Về tài sản chung: Anh Q trình bày tài sản chung gồm có 01 thửa đất và tài sản gắn liền với đất thống nhất như trình bày của chị M. Anh Q đồng ý với chị M không yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng.

Về nợ chung: Nợ chung vợ chồng gồm có: Nợ Ngân hàng chính sách 28.200.000 đồng, Nợ bà Hà Thị P 350.000.000 đồng; Nợ chị Đặng Thị M1 số tiền 157.399.000đ; Nợ chị Lê Thị H số tiền 143.895.000 đồng. Hai bên đã tự thỏa thuận với nhau về trách nhiệm trả nợ nên anh Q không yêu cầu Tòa án giải quyết về trách nhiệm trả nợ.

*Tại Đơn yêu cầu độc lập, B tự khai và quá trình giải quyết, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị P trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh Q. Quá trình chị M và anh Q xây dựng nhà có nhờ bà P vay số tiền 350.000.000 đồng để trả tiền xây dựng nhà. Quá trình giải quyết vụ án bà P có yêu cầu độc lập yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh Q và chị M trả lại cho bà số tiền trên. Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết các bên đã tự thỏa thuận về trách nhiệm trả nợ nên ngày 24/5/2024 bà P đã rút yêu cầu khởi kiện độc lập về việc đòi nợ đối với anh Q và chị M.

*Tại Bản tự khai ngày 22/11/2023, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng chính sách xã hội ông Nguyễn Tuấn A trình bày:

Ngày 11/3/2022 Ngân hàng C chi nhánh H2 và chị Dương Thị M ký kết hợp đồng vay vốn với số tiền 40.000.000 đồng, thời hạn vay 48 tháng. Tính đến ngày 22/11/2023 chị M còn nợ ngân hàng C số tiền gốc 28.200.000 đồng, tiền lãi 31.000 đồng. Hiện nay khoản nợ trên đang trong hạn và chưa đến hạn trả nợ cuối cùng nên Ngân hàng chưa khởi kiện yêu cầu khách hàng trả nợ ngay. Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật trên cơ sở bảo vệ quyền lợi của ngân hàng.

*Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ngân hàng N ông Nguyễn Mạnh T trình bày:

Ngày 21/10/2022, bà Hà Thị P và Ngân hàng N ký kết Hợp đồng tín dụng số 3701LAV202204061 vay số tiền 400.000.000 đồng mục đích bù đắp tài chính sửa chữa nhà ở, phương thức cho vay từng lần, thời hạn vay 12 tháng. Ngày 21/10/2022 ngân hàng đã giải ngân số tiền 300.000.000 đồng, ngày 08/12/2022 ngân hàng giải ngân số tiền 50.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà P đã trả 35.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi đầy đủ theo quy định. Đến ngày 23/10/2023 bà Hà Thị P tắt toán khoản trên và tiến hành vay lại với số tiền 315.000.000 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3701LAV202304064 ngày 23/10/2023 giữa Ngân hàng N chi nhánh H2 II với bà Hà Thị P. Hợp đồng tín dụng của bà P chưa đến hạn trả nợ gốc. Vì vậy, Ngân hàng chưa khởi kiện yêu cầu bà P trả nợ. Đối với yêu cầu khởi kiện của các bên đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

* Tại Bản tự khai ngày 24/11/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị H trình bày: Tháng 11/2022, anh Trần Xuân Q có nợ của chị Lê Thị H số tiền 143.895.000 đồng mua thiết bị điện nước gồm: Ống nước, dây điện, bóng đèn, mặt công tắc, ổ cắm, ... Chị Lê Thị H yêu cầu vợ chồng anh Q trả số tiền trên cho chị H. Sau khi anh Q và chị M thỏa thuận với nhau về trách nhiệm trả nợ và rút yêu cầu giải quyết nợ tại Tòa án, chị H đã có đơn trình bày đồng ý với thỏa thuận của anh Q, chị M và không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ trên.

* Tại Bản tự khai ngày 04/12/2023, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị M1 trình bày: Tháng 5/2022, chị M1 có ký hợp đồng bán sơn cho anh Q, anh Q có đặt cọc số tiền 5.000.000 đồng. Quá trình xây dựng nhà, từ tháng 5 đến tháng 12/2022 anh Q lấy hàng với số tiền 167.399.000 đồng. Ngày 07/12/2022, anh Q có thanh toán số tiền 5.000.000 đồng. Anh Q còn nợ số tiền 157.399.000 đồng. Chị Đặng Thị M1 yêu cầu vợ chồng anh Q trả cho chị M1 số tiền trên. Sau khi anh Q và chị M

thỏa thuận với nhau về trách nhiệm trả nợ và rút yêu cầu giải quyết nợ tại Tòa án, chỉ M1 đã có đơn trình bày đồng ý với thỏa thuận của anh Q, chị M và không yêu cầu Tòa án giải quyết về khoản nợ trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự. Các đương sự đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Dương Thị M.

+ Về con chung: Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau: Chị Dương Thị M được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Dương Đức H1, sinh ngày 12/11/2021, anh Trần Xuân Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con số tiền 2.000.000đ/tháng và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Áp dụng khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc chia tài sản chung và nợ chung và đình chỉ xét xử đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị P về việc thanh toán nợ.

+ Ngoài ra còn đề nghị về án phí, chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Dương Thị M khởi kiện yêu cầu ly hôn, giải quyết nuôi con và chia tài sản chung đối với bị đơn anh Trần Xuân Q (cư trú tại: phường T, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh). Tòa án nhân dân thành phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm là đúng thẩm quyền quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Đặng Thị M1, chị Lê Thị H, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng C và Ngân hàng N đề nghị xét xử vắng mặt, theo quy định tại khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người trên.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Xuân Q và chị Dương Thị M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Đ, thành phố H, tỉnh Hà Tĩnh nên quan hệ hôn nhân giữa anh Q và chị M là hợp pháp. Quá trình giải quyết vụ án, chị M trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do do tính cách không hòa hợp, bất đồng về cách nuôi dạy con cái, công việc và tài chính, còn anh Q trình bày nguyên nhân do chị M tự gây sự và coi thường gia đình bên nội. Tuy nhiên các bên đều thừa nhận quá

trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn và đã ly thân hơn 01 năm. Theo kết quả xác minh tại địa phương, vợ chồng anh Q chị M phát sinh mâu thuẫn từ năm 2022, về nguyên nhân mâu thuẫn thì địa phương không nắm được nhưng chị M đã đi khỏi nhà từ đầu năm 2023. Hội đồng xét xử xét thấy: Tình trạng hôn nhân giữa chị M và anh Q đã trầm trọng, mâu thuẫn vợ chồng kéo dài, mục đích hôn nhân là xây dựng một gia đình hòa thuận, hạnh phúc không đạt được. Căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình giải quyết cho chị M ly hôn với anh Q là có căn cứ.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Trần Dương Đức H1, sinh ngày 12/11/2021. Trước khi mở phiên tòa, chị M và anh Q đã thỏa thuận thống nhất giao cho chị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và anh Q có trách nhiệm đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng đến khi con đủ tuổi trưởng thành. Xét sự thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định pháp luật và không trái đạo đức xã hội. Căn cứ các Điều 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau: Chị Dương Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Dương Đức H1, anh Trần Xuân Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con đủ tuổi trưởng thành.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Mặc dù tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu Tòa án giải quyết chia tài sản chung vợ chồng và trách nhiệm trả nợ nhưng ngày 23/5/2024, nguyên đơn xin rút yêu cầu khởi kiện về việc chia tài sản chung và nợ chung, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị P, chị Lê Thị H, chị Đặng Thị M1 đồng ý. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của nguyên đơn về việc giải quyết chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng. Nếu sau này các đương sự khởi kiện thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Chị M không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử. Đối với khoản nợ của Ngân hàng chính sách: Nguyên đơn và bị đơn đã tự thỏa thuận chị M chịu trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách, Ngân hàng C không khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị M thanh toán nợ ngay do khoản nợ chưa đến hạn nên Hội đồng xét xử không xem xét. Nếu sau này, giữa Ngân hàng chính sách và chị M có tranh chấp thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Hà Thị P, mặc dù tại đơn khởi kiện về yêu cầu độc lập đề ngày 06/6/2023 bà Hà Thị P đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chị Dương Thị M và anh Trần Xuân Q thanh toán cho bà Hà Thị P số tiền 350.000.000 đồng mà bà P đã vay ngân hàng giúp vợ chồng xây dựng nhà nhưng đến ngày 24/5/2024 bà Hà Thị P có đơn xin rút yêu cầu độc lập. Xét thấy, việc rút yêu cầu nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của bà Hà Thị P về việc buộc chị M và anh Q thanh toán số tiền 350.000.000 đồng. Nếu sau này bà P khởi kiện lại và thời hiệu khởi kiện vẫn còn thì sẽ giải quyết bằng vụ án khác. Bà Hà Thị P không phải chịu án phí đối với yêu cầu đã đình chỉ xét xử.

[7] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tĩnh tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp các quy định pháp luật.

[8] **Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản:** Theo quy định tại khoản 3, 4, 5 Điều 157, khoản 4, 5 Điều 165 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn bị Dương Thị M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chi M đã nộp đủ.

[10] **Về án phí sơ thẩm:** Theo quy định tại khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chi M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm; Các đương sự đã thỏa thuận được về việc cấp dưỡng nuôi con trước khi mở phiên tòa nên anh Q phải chịu 50% án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 điều 51, khoản 1 điều 56, các điều 57, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 468 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 điều 147, khoản 3, 4, 5 Điều 157, khoản 4, 5 Điều 165, khoản 4 điều 147, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 2 Điều 244, Điều 271, Điều 273, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự; điểm a khoản 5, điểm a, b khoản 6 điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bị Dương Thị M được ly hôn với anh Trần Xuân Q.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về con chung như sau: Bị Dương Thị M được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Trần Dương Đức H1, sinh ngày 12/11/2021. Anh Trần Xuân Q đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000đ đến khi con đủ tuổi trưởng thành và có quyền thăm nom chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung và nợ chung vợ chồng của nguyên đơn bị Dương Thị M. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

4. Về yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu buộc nguyên đơn và bị đơn thanh toán số tiền 350.000.000 đồng của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có yêu cầu độc lập bà Hà Thị P. Nếu sau này có tranh chấp thì có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

5. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Buộc nguyên đơn bị Dương Thị M phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản. Chi M đã nộp đủ.

6. Về án phí: Buộc bị Dương Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 34.800.000 đồng đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001226 ngày 12 tháng 5 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành

phố Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh. Trả lại cho chị M 34.500.000 đồng. Buộc anh Trần Xuân Q phải chịu 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

8. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án, người thi hành án không tự nguyện thi hành thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự; Nếu không có thỏa thuận thì được thực hiện theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì bên được thi hành án dân sự, bên phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Hà Tĩnh;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- THADS TP Hà Tĩnh;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng Môn;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thanh Huyền

